

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST

Ngày 21-8-2017.

V/v tranh chấp Ly hôn giữa
chị Bùi Thị N và anh Lê Huy B.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thiết.

Bà Bà Bùi Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Hồng— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Cơ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: xóm T, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Lê Huy B, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: xóm T, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày: chị Bùi Thị N và anh Lê Huy B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình ngày 04/01/2002. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, đến năm 2012 thì mâu thuẫn trở nên gay gắt và đã nhiều lần anh B đánh mắng chị N. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm, tính cách và lối sống; anh Lê Huy B lười lao động, thường xuyên đi uống rượu, có biểu hiện ngoại tình và đánh mắng vợ. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại, chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải nhưng anh B

không thay đổi tâm tính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc và hai người đã sống ly thân nhau một năm nay; anh B bỏ đi nơi khác làm ăn không còn quan tâm đến gia đình nữa. Nay chị Bùi Thị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Huy B. Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Lê Huy B có 02 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 25/5/2003 và Lê Tâm N, sinh ngày 08/4/2012. Khi ly hôn, chị Bùi Thị N nhận trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau ly hôn và chưa có yêu cầu anh Lê Huy B đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, chị Bùi Thị N khai là không có.

Về phía anh Lê Huy B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh Lê Huy B thể hiện anh Lê Huy B có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ chị N đã cung cấp nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú do đi làm ăn xa, không có chỗ ở ổn định nên không lấy được ý kiến của anh Lê Huy B. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Về nguyện vọng của con chung: Tòa án đã ghi nhận nguyện vọng của cháu Lê Thị T vì cháu đã trên 7 tuổi, xác định cháu Lê Thị T có nguyện vọng ở với mẹ là chị Bùi Thị N sau khi ly hôn.

Về nợ chung của vợ chồng: Đã được Tòa án xác minh, thể hiện: chị Bùi Thị N và anh Lê Huy B không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Lê Huy B có mâu thuẫn trầm trọng; đã sống ly thân thời gian dài và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về việc nuôi con, cần xem xét nguyện vọng chính đáng của con. Về tài sản do chị N chưa có yêu cầu giải quyết, nợ chung của vợ chồng không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Lê Huy B không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Lê Huy B đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Lê Huy B. Do bị đơn là anh Lê Huy B được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hơn nữa chị Bùi Thị N là nguyên đơn trong vụ án cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải

nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lê Huy B đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Huy B theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Lê Huy B khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Lê Huy B được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị N và anh B có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng chị N anh B thường xuyên có cãi vã, xô sát nhau dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2017 đến nay. Quá trình sống ly thân chị N và anh B cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bỏ mặc ai muốn sống thế nào cũng được. Như vậy chị N, anh B đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Xác nhận chị Bùi Thị N và anh Lê Huy B có 02 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 25/5/2003 và Lê Tâm N, sinh ngày 08/4/2012. Khi ly hôn chị Bùi Thị N nhận trực tiếp nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con của cả hai bên thấy rằng: phía chị Bùi Thị N có việc làm thu nhập, chỗ ở ổn định còn phía anh Lê Huy B hiện đi làm ăn xa, thường xuyên không sinh sống tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không có chỗ ở ổn định. Hơn nữa xét nguyện vọng của con chung là muốn ở với mẹ và trên thực tế các cháu vẫn ở với mẹ là chị N từ khi chị N và anh B sống ly thân nhau. Vì quyền lợi mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận giao cháu Lê Thị T và Lê Tâm N cho chị Bùi Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là có căn cứ, hợp tình, hợp lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, do chị N chưa có yêu cầu anh B đóng góp tiền cấp dưỡng và xét đây là ý kiến tự nguyện của chị N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Bùi Thị N vẫn có quyền yêu cầu anh Lê Huy B cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, thay đổi người trực tiếp nuôi con trong quá trình chị Bùi Thị N nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

[4] *Về tài sản chung:* Do chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết và việc anh Lê Huy B vắng mặt nên Tòa án không lấy được ý kiến của anh B do đó không có cơ sở xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và có yêu cầu thì sẽ được xem xét bằng vụ việc khác.

[5] *Về nợ chung của vợ chồng:* Xác định không có.

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N về việc xin ly hôn; cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Lê Huy B.

2. Về nuôi con: Giao cả hai con chung của chị Bùi Thị N và anh Lê Huy B là Lê Thị T, sinh ngày 25/5/2003 và Lê Tâm N, sinh ngày 08/4/2012 cho chị Bùi Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng sau ly hôn. Anh Lê Huy B chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Bùi Thị N chưa có yêu cầu. Anh Lê Huy B có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Anh Lê Huy B không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Bùi Thị N.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung xác nhận không có.

4. Án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001297 ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; chị Bùi Thị N đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- UBND xã P – Tân Lạc – HB;
- (Nơi đăng ký kết hôn ngày 04/01/2002)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Cao Sơn